TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST Ngày 08 -7 - 2020 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân.
Ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang -Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B, sinh năm 1998 (Có mặt)
HKTT: Thôn R, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
HKTT: Thôn R, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Dương Thị B trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh Nguyễn Văn T vào ngày 02/7/2018, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà anh T làm dâu và sống chung với gia đình. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T không chịu khó làm ăn, hay chơi bời, dẫn đến

vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Sau khi mâu thuẫn gia đình hai bên tham gia hòa giải nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/9/2019 cho đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Trước đây cháu ở với chị, khi chị có đơn ly hôn, anh T đã đón cháu về và hiện nay cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị B đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tại bản tự khai, anh Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên và đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức. Quá trình chung sống không hợp nhau, sinh ra nhiều mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 1 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Tài và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung, công sức: không có, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị cho rằng thu nhập hàng tháng của chị từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng cháu Tài.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn còn chưa chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị Dương Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giải quyết việc tranh chấp hôn nhân và gia đình của chị với anh Nguyễn Văn T, hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn Rèn, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 02/7/2018, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức. Chị B cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy hôn nhân của chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bản thân chị B và anh T đều xác định vợ chồng sống không còn tình cảm, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị B xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị B, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều tự nguyện ly hôn, Như vậy, tình cảm vợ chồng chị B, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, cần xử cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị B và anh T đều trình bày vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Anh T, chị B đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. nên Hội đồng xét xử thấy: Cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa chị B, anh T không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Dương Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị B, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị B phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2- Về con chung: Giao chị Dương Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 18/10/2018. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2016/0001082 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, xác nhận chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Đức;
- Lưu: HS+VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Ngô Văn Quang